

Số: ~~40~~/NMI-VT
V/v đề nghị báo giá hóa chất đúc lô

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Quý đơn vị quan tâm

Nhà máy In tiền Quốc gia có nhu cầu mua hóa chất đúc lô phục vụ sản xuất năm 2026, hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp là các loại hóa chất như bảng phạm vi cung cấp được sử dụng phù hợp để pha trộn, đúc lô chablon, lô rửa của các máy in lõm trên máy đúc lô đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của lô đúc về độ cứng Shore A/Shore D và đáp ứng yêu cầu sử dụng trên các máy in lõm theo quy trình tổ chức sản xuất tại Nhà máy In tiền. Hoặc hàng hóa tương đương (tương đương với hàng hoá đó về thành phần hoá học hoặc khác thành phần hoá học nhưng công dụng tương đương), cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung về kỹ thuật và số lượng:

1.1 Hóa chất đúc lô nhựa P4472 (hoặc tương đương): 950 kg.

STT	Tiêu chí kỹ thuật	Thông số tiêu chuẩn	Phương pháp/Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1.	Trạng thái	Chất rắn, dạng bột mịn, màu trắng	Cảm quan
2.	Giá trị K	71÷73	DIN 53726/ ISO 1628-2 (*)
3.	Độ giảm độ nhớt	130÷134	DIN 53726/ ISO 1628-2 (*)
4.	Tỷ trọng biểu kiến	250÷400 g/l	ISO 60
5.	Kích thước hạt: Được giữ lại qua rây phân tử có kích thước lỗ 63µm	< 1%	DIN 53159/ ISO 1624 (*)
6.	Chất bay hơi	≤ 0,9%	ISO 1269

1.2. Catalyst TBPB (Tert-butyl peroxy benzoate) (hoặc tương đương): 5,5 kg.

STT	Tiêu chí kỹ thuật	Thông số tiêu chuẩn	Phương pháp/Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1.	Trạng thái chất	Chất lỏng không màu hoặc màu vàng nhạt	Cảm quan
2.	Hàm lượng peroxide (w/w)	≥ 99%	GC/HPLC (*)
3.	Oxy nguyên tử hoạt động (w/w)	≥ 8,1%	Chuẩn độ iod (*)
4.	Khối lượng riêng (20°C)	(1,03 ÷ 1,05) g/cm ³	ISO 2811
5.	Thời gian bán hủy tại các nhiệt độ 104°C/124°C/165°C	10h/1h/1 phút	(*)
6.	Nhiệt độ tới hạn (SADT: self accelerating decomposition temperature)	≈ 60°C	(*)

1.3. Chất phụ gia Dioctyl Phthalate (hoặc tương đương): 820 kg.

STT	Tiêu chí kỹ thuật	Thông số tiêu chuẩn	Phương pháp/Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1.	Trạng thái chất	Chất lỏng, không màu	Cảm quan
2.	Độ tinh khiết	$\geq 99,5\%$	GC (*)
3.	Khối lượng riêng, ở 20°C	(0,97÷1,00) g/ml	ASTM D-4052/ ISO 2811
4.	Hàm lượng nước	$\leq 0,1\%$	DIN 51 777 (*)

1.4. Hóa chất Paraplex G54 (polyester adipat) hoặc tương đương: 150 kg.

STT	Tiêu chí kỹ thuật	Thông số tiêu chuẩn	Phương pháp/Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1.	Trạng thái chất	Chất lỏng, không màu hoặc màu vàng nhạt	Cảm quan
2.	Giá trị axit	≤ 2 mg KOH/g	AOCS CD 3D-63(*)
3.	Độ ẩm	$\leq 0,1\%$ khối lượng	ASTM E-203 (*)
4.	Khối lượng riêng	(1,086 ÷ 1,098) g/cm ³	ISO 60
5.	Chỉ số xà phòng hóa	(503 ÷ 523) mg KOH/g	AOCS CD 3-25 (*)

1.5. Bột than Graphite/2000 mesh: 40 kg.

STT	Tiêu chí kỹ thuật	Thông số tiêu chuẩn	Phương pháp/Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1.	Trạng thái	Chất rắn, dạng bột mịn, màu đen	Cảm quan
2.	Khối lượng riêng	$\leq 2,5$ g/cm ³	ISO 60/ISO 12154/ ASTM D7481
3.	Phân bố kích thước hạt	+D50: ≤ 5 μ m +D90: ≤ 9 μ m	Tán xạ laser (*)
4.	Độ tro	$\leq 0,5\%$	DIN-51903 (*)
5.	Hàm lượng cacbon	$\geq 99,5\%$	ASTM-D-5373 (*)
6.	Độ ẩm	$\leq 0,5\%$	DIN-51718

1.6. Chất ổn định Stab Pro N (Muối Ba/Zn của p-tert-butylbenzoic acid) (hoặc tương đương): 125 kg.

STT	Tiêu chí kỹ thuật	Thông số tiêu chuẩn	Phương pháp/Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1.	Trạng thái chất	Chất lỏng không màu hoặc màu vàng nhạt	Cảm quan
2.	Khối lượng riêng	(0,98 ÷ 1,02) g/ml	ISO 60
3.	Điểm chớp cháy	$> 62^{\circ}\text{C}$	ASTM D-93 (*)
4.	Khả năng tan trong nước	Không tan	OECD Test Guideline (*)

1.7. Hóa chất đúc lô Vinnolit E69ST (hoặc tương đương): 950 kg.

STT	Tiêu chí kỹ thuật	Thông số tiêu chuẩn	Phương pháp/Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1.	Trạng thái	Chất rắn, dạng bột mịn, màu trắng	Cảm quan
2.	Giá trị K	67÷70	DIN 1628-2/ ISO 1628-2 (*)
3.	Độ giảm độ nhớt	100÷120 ml/g	DIN 1628-2/ ISO 1628-2 (*)
4.	Tỷ trọng biểu kiến	340÷ 460 g/l	ISO 60
5.	Kích thước hạt: Được giữ lại qua rây phân tử có kích thước lỗ 0,0063 mm	< 0,05%	DIN 1624/ ISO 1624 (*)
6.	Độ bay hơi	≤ 0,9%	ISO 1269

Ghi chú:

- Các tiêu chí kỹ thuật của các hóa chất đúc lô được kiểm tra, đánh giá tại phòng thí nghiệm trừ các tiêu chí có dấu (*) hiện Nhà máy chưa làm được, sẽ lấy theo thông số của nhà sản xuất hoặc gửi mẫu phân tích.

- Ngoài việc kiểm tra đánh giá các tiêu chí kỹ thuật của hóa chất đúc lô tại phòng thí nghiệm và theo các thông số kỹ thuật nhà sản xuất cung cấp thì chất lượng các hóa chất đúc lô còn phải đánh giá thông qua chất lượng lô thành phẩm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của lô như độ cứng Shore A/ Shore D theo quy trình của Nhà máy và đáp ứng yêu cầu sử dụng trên các máy in lõm theo quy trình tổ chức sản xuất của Nhà máy.

2. Thời gian cần giao hàng: trong vòng 03 - 08 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Đề nghị Quý đơn vị quan tâm gửi báo giá cho Nhà máy In tiền Quốc gia trước ngày 06./01/2026 để xem xét.

Trân trọng thông báo. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn Thư, hồ sơ gói thầu (N.T.H.L)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long